|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN****TỈNH QUẢNG TRỊ**Số: /TTr-UBND | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Quảng Trị, ngày tháng năm 2022* |

**DỰ THẢO**

**TỜ TRÌNH**

**Đề nghị quy định mức hỗ trợ một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021- 2025 trên địa bàn tỉnh**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020; Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách Trung ương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức hỗ trợ một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021- 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị gồm các nội dung cụ thể như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN**

**1.Căn cứ pháp lý xây dựng Nghị quyết**

Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách Trung ương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

**2. Sự cần thiết xây dựng Nghị quyết**

Tại Điều 8, 9,10, 14, 20 và 26 Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022 của Bộ Tài chính quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định cụ thể mức hỗ trợ trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao, cụ thể như sau:

***Điều 8.*** *Tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở*

*Chi mua sắm, sửa chữa, thay thế thiết bị hư hỏng của đài truyền thanh xã, phương tiện sản xuất các sản phẩm thông tin, tuyên truyền cho cơ sở truyền thanh, truyền hình cấp huyện để đảm bảo yêu cầu của công tác thông tin, tuyên truyền theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt: Căn cứ quy định tại Thông tư này, điều kiện thực tế tại địa phương và khả năng ngân sách, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định cụ thể mức hỗ trợ trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao.*

***Điều 9.*** *Chi hỗ trợ phát triển các mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình, cấp thôn*

*Chi hỗ trợ phát triển các mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình, cấp thôn theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Nội dung cụ thể thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.*

*Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương tối đa không quá 70% kinh phí thực hiện mô hình được phê duyệt đối với các huyện miền núi, không quá 50% kinh phí thực hiện mô hình được phê duyệt đối với các huyện còn lại trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao. Căn cứ quy định tại Thông tư này, điều kiện thực tế tại địa phương và khả năng ngân sách, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định cụ thể mức hỗ trợ.*

Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì xây dựng mức hỗ trợ *(Công văn số 4069/UBND ngày 23/8/2022 của UBND tỉnh).*

***Điều 10.*** *Chi hỗ trợ xây dựng và phát triển hiệu quả các vùng nguyên liệu tập trung, chuyển đổi cơ cấu sản xuất, góp phần thúc đẩy chuyển đổi số trong nông nghiệp*

*2. Chi tối đa 100% chi phí tư vấn, giám sát và gắn mã vùng trồng cho các cá nhân tổ chức. Ưu tiên cấp mã vùng trồng cho vùng sản xuất đã được đánh giá chứng nhận vùng trồng thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) và nông nghiệp hữu cơ; hỗ trợ truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã, huyện, tỉnh. Căn cứ quy định tại Thông tư này, điều kiện thực tế tại địa phương và khả năng ngân sách, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định cụ thể mức hỗ trợ trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao.*

***Điều 14.*** *Chi phát triển tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề và dịch vụ nông thôn; bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống ở nông thôn.*

*2. Chi bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống ở nông thôn thực hiện theo Quyết định số 801/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề Việt Nam và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.*

*Nội dung và mức hỗ trợ: Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan trung ương (đối với các nhiệm vụ do trung ương thực hiện), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp (đối với các nhiệm vụ do địa phương thực hiện) quyết định nội dung và mức hỗ trợ cụ thể đảm bảo phù hợp với quy định hiện hành và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao.*

***Điều 20.*** *Chi thực hiện Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới*

*2. Nội dung chi, mức chi*

*a) Chi hỗ trợ phát triển điểm du lịch nông thôn và sản phẩm du lịch nông thôn mang đặc trưng vùng, miền. Nội dung chi cụ thể thực hiện theo Quyết định số 922/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT. Tùy thuộc điều kiện thực tế về tài nguyên du lịch của từng địa phương theo quy định của Luật du lịch và các văn bản hướng dẫn, Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan trung ương (đối với các nhiệm vụ do trung ương thực hiện), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp (đối với các nhiệm vụ do địa phương thực hiện) quyết định mức hỗ trợ cụ thể đảm bảo phù hợp với quy định hiện hành và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao;*

***Điều 26.*** *Chi nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở*

*1. Đối tượng và nội dung cụ thể thực hiện theo hiện hướng dẫn của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch.*

*2. Nội dung và mức hỗ trợ*

*a) Chi mua sắm các trang thiết bị phục vụ cho hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao tại các thiết chế văn hóa, thể thao các cấp phù hợp với tình hình hoạt động thực tế của địa phương. Mức hỗ trợ theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và tối đa: …*

*b) Chi hỗ trợ xây dựng tủ sách cho Thư viện cấp huyện; tủ sách cho Trung tâm Văn hóa, Thể thao cấp xã, Nhà Văn hóa - Khu thể thao thôn. Mức hỗ trợ theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và tối đa: …*

*c) Chi hỗ trợ kinh phí hoạt động đối với thiết chế văn hóa, thể thao xã, thôn và hỗ trợ kinh phí tổ chức giải thể thao cấp xã, thôn. Mức hỗ trợ tối đa: …*

*d) Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương và khả năng ngân sách, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức hỗ trợ cụ thể đối với từng hoạt động quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản này;*

**II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIẾM XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN**

**1. Mục đích**

Việc xây dựng Nghị quyết quy định “ Quy định mức hỗ trợ một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021- 2025” nhằm cụ thể hóa nội dung, mức hỗ trợ quy định của Trung ương, đề xuất mức hỗ trợ phù hợp với tình hình thực tế của địa phương; sớm triển khai thực hiện các hoạt động của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới góp phần phát triển kinh tế xã hội tại địa phương và nâng cao thu nhập cho người dân.

**2. Quan điểm**

- Xây dựng Nghị quyết phải tuân thủ chặt chẽ các trình tự, thủ tục quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

- Phù hợp với khả năng về nguồn lực, các chương trình dự án đang triển khai trên địa bàn tỉnh.

- Đảm bảo tính khả thi khi triển khai thực hiện

**III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG**

**1. Phạm vi điều chỉnh:**

a) Nghi quyết này quy định mức hỗ trợ một số nội dung chi từ nguồn kinh phí sự nghiệp từ ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh;

b) Các nội dung thuộc Chương trình có lồng ghép nguồn vốn sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương, ngân sách địa phương và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

**2. Đối tượng áp dụng:**

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng, quyết toán và thụ hưởng nguồn kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

**III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT**

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 4069/UBND-TH ngày 23/8/2022 về việc triển khai xây dựng mức hỗ trợ theo quy định tại Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022 của Bộ Tài chính; các cơ quan, đơn vị đã chủ động xây dựng mức hỗ trợ các nội dung; hoàn thành, lấy ý kiến thống nhất của các đơn vị, địa phương liên quan, gửi Sở Tài chính để tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh theo quy định.

Dự thảo Nghị quyết đã được Sở Tài chính gửi lấy ý kiến tham gia của Uỷ ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; đăng tải lên Chuyên mục “Lấy ý kiến vào dự thảo văn bản quy phạm pháp luật” trên Cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh để các cơ quan, tổ chức tham gia ý kiến; lấy ý kiến thẩm định văn bản của Sở Tư pháp.

Trên cơ sở ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị, Sở Tài chính đã tiếp thu, giải trình, hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết, tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành mức hỗ trợ các nội dung theo quy định tại Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022 của Bộ Tài chính.

**IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

1. **Bố cục:**

Nghị quyết gồm 02 phần chính

Phần căn cứ: Viện dẫn các cơ sở pháp lý của Trung ương, địa phương có liên quan

Phần nội dung: Gồm 02 điều khoản

Điều 1. Ban hành kèm theo quy định mức hỗ trợ một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

**2. Nội dung cơ bản:**

2.1. Hỗ trợ tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở(Điều 8, Thông tư số 53/2022/TT-BTC ):

Để đảm bảo khả năng cân đối ngân sách, phù hợp với mức ngân sách hỗ trợ thiết lập mới đài truyền thanh xã thuộc nội dung “Tăng cường cơ sở vật chất cho hoạt động truyền thanh xã” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; đề nghị mức hỗ trợ như sau:

1. Đầu tư mới Đài truyền thanh xã:

- Đối với xã ĐBKK vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (xã khu vực I, II, III): Ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa (95%) và tối đa 300 triệu đồng; Dân góp và nguồn vốn khác tối thiểu (5%) và tối thiểu 16 triệu đồng.

- Đối với xã còn lại: Ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa (90%) và tối đa 285 triệu đồng; Dân góp và nguồn vốn khác tối thiểu (10%) và tối thiểu 31 triệu đồng.

1. Nâng cấp Đài truyền thanh FM lên Đài truyền thanh IP:

- Đối với xã ĐBKK vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (xã khu vực I, II, III): Ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa (95%) và tối đa 200 triệu đồng; Dân góp và nguồn vốn khác tối thiểu (5%) và tối thiểu 11 triệu đồng.

- Đối với xã còn lại: Ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa (90%) và tối đa 189 triệu đồng; Dân góp và nguồn vốn khác tối thiểu (10%) và tối thiểu 22 triệu đồng.

2.2. Mức hỗ trợ chi hỗ trợ phát triển các mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình, cấp thôn theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt (Điều 9, Thông tư số 53/2022/TT-BTC ):

- Các mô hình đồng bằng: kinh phí sự nghiệp từ ngân sách Trung ương 50%; ngân sách địa phương và dân đóng góp 50%.

- Các mô hình khu vực miền núi: kinh phí sự nghiệp từ ngân sách Trung ương: 70%; ngân sách địa phương và dân đóng góp 30%.

2.3. Mức hỗ trợ chi hỗ trợ xây dựng và phát triển hiệu quả các vùng nguyên liệu tập trung, chuyển đổi cơ cấu sản xuất, góp phần thúc đẩy chuyển đổi số trong nông nghiệp(Điều 10, Thông tư số 53/2022/TT-BTC ):

Hỗ trợ chi phí tư vấn, giám sát và gắn mã vùng trồng cho các cá nhân tổ chức. Ưu tiên mã vùng trồng cho vùng sản xuất đã được đánh giá chứng nhận vùng trồng thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) và nông nghiệp hữu cơ; hỗ trợ truy suất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã, huyện, tỉnh.

+ Hỗ trợ chi tối đa 100% chi phí tư vấn, giám sát và gắn mã vùng trồng cho các cá nhân tổ chức. Hỗ trợ không quá 13 triệu đồng/mã số vùng trồng.

+ Hỗ trợ 100% chi phí hướng dẫn lập hồ sơ truy xuát nguồn gốc sản phẩm chủ lực của xã gắn với vùng nguyên liệu được chứng nhận VietGAP hoặc tương đương, không quá 2 triệu đồng/1 sản phẩm; hỗ trợ 100% chi phí thiết lập hệ thống, tạo mã truy xuất nguồn gốc điện tử, không quá 10 triệu đồng/sản phẩm.

2.4. Mức hỗ trợ chi bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống ở nông thôn (Điều 14, Thông tư số 53/2022/TT-BTC ):

a) Chi hỗ trợ xây dựng hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý nước thải tập trung, hệ thống các điểm và phương tiện thu gom chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại tại làng nghề: Ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa 50% đối với làng nghề vùng đồng bằng, 70% đối với làng nghề vùng miền núi. Mức hỗ trợ tối đa không quá 1,0 tỷ đồng/dự án.

b) Chi hỗ trợ xúc tiến thương mại cho các cơ sở ngành nghề nông thôn: Thực hiện theo quy định tại khoản 5, Điều 5 Nghị quyết số 162/2021/NQHĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của HĐND tỉnh về việc quy định chính sách hỗ trợ phát triển một số cây trồng, vật nuôi tạo sản phẩm chủ lực có lợi thế cạnh tranh trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022-2026.

c) Chi thực hiện các hoạt động ứng dụng, nhân rộng các kết quả khoa học và công nghệ: Thực hiện theo Nghị Quyết số 163/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị về chính sách hỗ trợ ứng dụng, nhân rộng các kết quả khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021- 2025.

d) Chi hỗ trợ dự án phát triển ngành nghề nông thôn: Nội dung chi và mức hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về Phát triển ngành nghề nông thôn.

e) Chi khen thưởng cho nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống:

- Nghề truyền thống đạt tiêu chí theo quy định, được UBND tỉnh quyết định công nhận, được hỗ trợ 20.000.000 đồng *(Hai mươi triệu đồng).*

 - Làng nghề đạt tiêu chí theo quy định, được UBND tỉnh quyết định công nhận, được hỗ trợ 30.000.000 đồng *(Ba mươi triệu đồng)*.

- Làng nghề truyền thống đạt tiêu chí theo quy định, được UBND tỉnh quyết định công nhận, được hỗ trợ 40.000.000 đồng *(Bốn mươi triệu đồng)*.

2.5. Nội dung chi, mức chi hỗ trợ phát triển điểm du lịch nông thôn(Điều 20, Thông tư số 53/2022/TT-BTC ):

a) Nâng cao chất lượng các điểm du lịch nông thôn

- Hỗ trợ nâng cấp hệ thống nhà vệ sinh công cộng phục vụ khách du lịch. Mức hỗ trợ 50% tổng mức đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng không quá 100 triệu đồng/01 điểm du lịch nông thôn. Mức áp dụng theo quy định tại Nghị quyết số 12/2022/NQ-HĐND tỉnh

- Hỗ trợ xây dựng hệ thống biển, bảng thuyết minh, chỉ dẫn. Mức hỗ trợ 50% tổng mức đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng không quá 100 triệu đồng/01 điểm du lịch nông thôn. Mức áp dụng theo quy định tại Nghị quyết số 12/2022/NQ-HĐND tỉnh

- Hỗ trợ xây dựng nhà đón tiếp và trưng bày sản phẩm địa phương, đặc biệt là sản phẩm OCCOP. Mức hỗ trợ 50% tổng mức đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng không quá 200 triệu đồng/01 nhà đón tiếp và trưng bày sản phẩm. Mức áp dụng theo quy định tại Nghị quyết số 12/2022/NQ-HĐND tỉnh

b) Hỗ trợ bảo tồn, phục dựng và phát triển các làng nghề, ẩm thực, trang phục truyền thống và hoạt động nông nghiệp, loại hình biểu diễn văn hóa, thể thao,… Mức hỗ trợ 80% tổng mức đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng không quá 200 triệu đồng/01 điểm du lịch nông thôn.

c) Xây dựng và số hóa thông tin, tài liệu thuyết minh về các di tích văn hóa, lịch sử, điểm du lịch sinh thái và làng nghề truyền thống,… gắn với du lịch nông thôn. Mức hỗ trợ 70% tổng mức đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng không quá 100 triệu đồng/1 điểm.

d) Hỗ trợ các tổ chức, hộ gia đình phát triển du lịch cộng đồng (homestay) đầu tư kinh phí mua sắm trang thiết bị, cải tạo cảnh quan, thiết kế kiến trúc trong nhà phục vụ lưu trú: mức hỗ trợ 70% đối với tổng mức đầu tư của dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng không quá 50 triệu đồng/dự án đối với dự án có quy mô đón, phục vụ từ 10 đến dưới 20 khách; không quá 100 triệu đồng/dự án đối với dự án có quy mô đón, phục vụ từ 20 khách trở lên.

e) Chi hỗ trợ triển khai mô hình thí điểm phát triển du lịch nông thôn theo hướng du lịch xanh, có trách nhiệm và bền vững theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt (xây dựng thí điểm một số mô hình phát triển du lịch nông thôn theo các loại hình: du lịch cộng đồng, du lịch nông nghiệp, du lịch sinh thái, du lịch gắn với bảo tồn thiên nhiên, du lịch làng nghề): mức hỗ trợ 70% kinh phí thực hiện mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt với các huyện miền núi nhưng không quá 500 triệu đồng/mô hình đối; mức hỗ trợ 50% kinh phí thực hiện mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng không quá 300 triệu đồng/mô hình đối với các huyện còn lại.

2.6. Mức hỗ trợ chi nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở(Điều 26, Thông tư số 53/2022/TT-BTC ):

a) Chi mua sắm các trang thiết bị phục vụ các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao tại các thiết chế văn hóa, thể thao. Mức hỗ trợ theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và cụ thể:

- Trung tâm Văn hóa cấp tỉnh: 1.000 triệu đồng/thiết chế.

- Trung tâm Văn hóa-Thể thao cấp huyện: 500 triệu đồng/thiết chế.

- Trung tâm Văn hóa-Thể thao cấp xã: 80 triệu đồng/thiết chế.

- Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn: 50 triệu đồng/thiết chế.

b) Chi hỗ trợ xây dựng tủ sách cho Thư viện cấp huyện; tủ sách cho Trung tâm Văn hóa-Thể thao cấp xã, Nhà Văn hóa - Khu thể thao thôn. Mức hỗ trợ theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và cụ thể:

- Thư viện, tủ sách tại Trung tâm Văn hóa – Thể thao cấp huyện 100 triệu đồng/01 tủ sách

- Thư viện, tủ sách xã là 50 triệu đồng/01 tủ sách,

- Tủ sách thôn là 30 triệu đồng/01tủ sách.

c) Chi hỗ trợ kinh phí hoạt động đối với thiết chế văn hóa, thể thao xã, thôn và hỗ trợ kinh phí tổ chức giải thể thao cấp xã, thôn. Mức hỗ trợ theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và cụ thể:

- Trung tâm Văn hóa-Thể thao xã: Kinh phí tổ chức giải thể thao cấp xã là 50 triệu đồng/01 năm.

- Nhà văn hóa-Khu thể thao thôn: Kinh phí tổ chức giải thể thao cấp thôn: 30 triệu đồng/01 năm.

**V. NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN**

Từ nguồn kinh phí sự nghiệp ngân sách Trung ương hỗ trợ, nguồn ngân sách địa phương và nguồn đóng góp, hỗ trợ khác thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

Trên đây là nội dung Nghị quyết quy định mức hỗ trợ một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh.

Kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VIII, kỳ họp thứ 13 xem xét, quyết nghị./.

|  |  |
| --- | --- |
|  ***Nơi nhận:***- Thường trực Tỉnh ủy (Báo cáo);- Đoàn Đại biểu Quốc hội (Báo cáo);- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh (Báo cáo);- Các đại biểu HĐND tỉnh;- Các Sở: Tài chính, Tư pháp, NN&PTNT;- UBND các huyện, thị xã và thành phố;- Chánh VP, các Phó CVP;- Lưu: VT, TM. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN** **CHỦ TỊCH****Võ Văn Hưng** |